

Số: 36/QĐ - UBND

Thanh Liêm, ngày 14 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019**  
**của huyện Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM**

Căn cứ luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ- HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Liêm khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2019; Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Liêm khóa XVIII kỳ họp thứ 7 về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thanh Liêm,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của huyện Thanh Liêm (các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. / 22/1/

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- UBND huyện;
- Như điều 3; (để thực hiện)
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Điều

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN  
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị: 1000 đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>355.382.000</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	163.513.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	191.869.000
-	Thu bổ sung cân đối	370.248.270
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>355.382.000</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	355.382.000
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>94.211.500</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	31.601.500
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	62.610.000
-	Thu bổ sung cân đối	62.610.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>94.211.500</b>

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>449.593.500</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp</b>	<b>195.114.500</b>
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	140.891.500
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	54.223.000
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>254.479.000</b>
-	Thu bổ sung cân đối	254.479.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>449.593.500</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>449.593.500</b>
1	Chi đầu tư phát triển	60.220.000
2	Chi thường xuyên	383.073.500
3	Dự phòng ngân sách	6.300.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu ngân sách</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>660.022.500</b>	<b>443.933.500</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>405.543.500</b>	<b>189.454.500</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	207.100.000	140.600.000
	<i>Thuế GTGT, MB</i>	<i>59.900.000</i>	<i>4.100.000</i>
	<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>8.700.000</i>	
	<i>Thuế Tài nguyên</i>	<i>136.500.000</i>	<i>136.500.000</i>
	<i>Thu khác ngoài QĐ</i>	<i>2.000.000</i>	
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.820.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12.980.000	6.510.000
8	Thu phí, lệ phí	79.936.000	2.126.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	991.500	991.500
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16.800.000	8.427.000
12	Thu tiền sử dụng đất	30.000.000	27.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	45.916.000	
16	Thu khác ngân sách	1.600.000	400.000
17	Thu tại xã	3.400.000	3.400.000
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên</b>	<b>254.479.000</b>	<b>254.479.000</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN  
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	449.593.500	355.382.000	94.211.500
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	449.593.500	355.382.000	94.211.500
I	Chi đầu tư phát triển	60.220.000	42.220.000	18.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	60.220.000	42.220.000	18.000.000
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	383.073.500	308.662.000	74.411.500
	Trong đó:	-	-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	192.086.817	191.413.000	673.817
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
III	Dự phòng ngân sách	6.300.000	4.500.000	1.800.000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	-	-	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	-	-	-
C	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách	-	-	-
D	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>	-	-	-

**DỰ TOÁN THU, SỐ BÓ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TUNG XÃ NĂM 2019**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu ngân sách xã	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bố sung cán đối từ ngân sách cấp huyện	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	Thu chuyên môn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cán đối ngân sách xã	
			Tổng số	Chi ra					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	90.712.901	13.601.500	3.400.000	10.201.500	59.111.400	18.000.000	-	90.712.901
1	Xã Liêm Thuận	8.283.121	714.900	188.000	526.900	3.568.221	4.000.000		8.283.121
2	Xã Liêm Túc	3.855.272	221.600	145.000	76.600	3.633.672			3.855.272
3	Xã Liêm Sơn	4.518.711	485.200	270.000	215.200	4.033.511			4.518.711
4	Xã Liêm Cần	9.324.235	424.500	113.000	311.500	3.899.735	5.000.000		9.324.235
5	Xã Thanh Tân	4.206.579	397.700	204.000	193.700	3.808.879			4.206.579
6	Xã Thanh Nghị	4.486.371	445.600	95.000	350.600	4.040.771			4.486.371
7	Xã Thanh Hải	7.482.752	1.256.700	227.000	1.029.700	3.226.052	3.000.000		7.482.752
8	Xã Thanh Thủy	6.569.980	520.800	272.000	248.800	4.049.180	2.000.000		6.569.980
9	Thị trấn Kiện Khê	5.170.342	1.146.500	290.000	856.500	3.023.842	1.000.000		5.170.342
10	Xã Thanh Hương	4.622.888	1.190.400	260.000	930.400	3.432.488			4.622.888
11	Xã Thanh Tâm	4.070.380	521.500	252.000	269.500	3.548.880			4.070.380
12	Xã Thanh Nguyễn	4.402.452	2.695.000	233.000	2.462.000	1.707.452			4.402.452
13	Xã Thanh Phong	5.263.166	716.100	193.000	523.100	3.547.066	1.000.000		5.263.166
14	Xã Thanh Lưu	4.163.234	818.500	300.000	518.300	3.344.934			4.163.234
15	Xã Liêm Phong	5.946.237	177.600	95.000	82.600	3.768.637	2.000.000		5.946.237
16	Xã Thanh Hà	4.577.264	1.550.800	153.000	1.397.800	3.026.464			4.577.264
17	Xã Thanh Bình	3.769.917	318.300	110.000	208.300	3.451.617			3.769.917